

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1LX** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0383	Nguyễn Thị Thúy An	24/02/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTBV0384	Trần Thái Bình	05/12/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0385	Phạm Thị Hồng Cúc	03/03/2003				0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTBV0386	Trần Thị Hoàng Dung	23/12/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0387	Nguyễn Thị Cẩm Dũng	30/11/2006				6	5				0.0	0.0	2.1
6	21BTBV0388	Nguyễn Tấn Đạt	20/08/2005				5	5				0.0	0.0	2.0
7	21BTBV0389	La Hồng Hạnh	28/12/2006				7	8				8.0		7.9
8	21BTBV0390	Nguyễn Lê Thúy Hằng	17/08/2006				8	7				9.0		8.3
9	21BTBV0391	Huỳnh Bảo Hân	01/01/2006				6	6				0.0	0.0	2.4
10	21BTBV0392	Nguyễn Thị Thuý Hoa	30/10/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
11	21BTBV0393	Nguyễn Huy Hoàng	14/12/2003				8	9				9.0		8.9
12	21BTBV0394	Nguyễn Thị Hồng Huyền	15/12/2006				8	8				0.0	7.0	7.4
13	21BTBV0395	Trần Nhật Khoa	04/04/2006				8	8				8.0		8.0
14	21BTBV0396	Nguyễn Ngọc Lân	07/01/2006				8	7				0.0	7.0	7.1
15	21BTBV0397	Phạm Thị Tuyết Mi	08/05/2006				8	8				0.0	9.0	8.6
16	21BTBV0398	Lê Thị Tuyết Ngân	26/10/2006				6	6				0.0	0.0	2.4
17	21BTBV0399	Trần Vãng Kim Ngân	10/07/2005				6	6				0.0	0.0	2.4
18	21BTBV0400	Phan Thị Xuân Nghuy	09/05/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
19	21BTBV0401	Lâm Thị Thảo Nguyên	20/10/2005				7	7				0.0	0.0	2.8
20	21BTBV0402	Nguyễn Huỳnh Nhân	25/12/2004				0	0				0.0	0.0	0.0
21	21BTBV0403	Nguyễn Nguyệt Nhi	15/08/2006				5	5				0.0	0.0	2.0
22	21BTBV0404	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	24/07/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
23	21BTBV0405	Huỳnh Sắc Như	13/12/2006				5	5				0.0	7.0	6.2
24	21BTBV0406	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/08/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
25	21BTBV0407	Trần Hữu Phát	02/09/2006				7	7				0.0	0.0	2.8
26	21BTBV0408	Lâm Hoàng Quyên	24/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
27	21BTBV0409	Lê Quỳnh	21/10/2006				8	7				0.0	0.0	2.9
28	21BTBV0410	Nguyễn Lâm An Thuận	13/04/2006				7	8				0.0	0.0	3.1
29	21BTBV0411	Nguyễn Thị Anh Thư	29/09/2006				7	8				0.0	0.0	3.1
30	21BTBV0412	Phan Thị Tiên Tiên	30/05/2006				8	7				8.0		7.7
31	21BTBV0413	Nguyễn Thu Thùy Trang	22/05/2005				5	5				0.0	0.0	2.0
32	21BTBV0414	Vương Thị Ngọc Trâm	27/10/2006				8	8				8.0		8.0
33	21BTBV0415	Lê Quang Triệu	23/01/2006				5	5				0.0	0.0	2.0
34	21BTBV0416	Lâm Thị Hồng Trinh	10/11/2006				8	7				8.0		7.7
35	21BTBV0417	Kiều Ngọc Yến	09/10/2006				8	8				0.0	0.0	3.2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ	
36	21BTBV0568	Lê Minh	Hằng	02/10/2006				7	7				0.0	0.0	2.8
37	21BTBV0569	Đoàn Thị Khánh	Ngọc	08/05/2006				5	6				0.0	0.0	2.3

Châu Đốc, ngày 22 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm